

CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG KẾ KHAI KẾ TOÁN THUẾ
ĐÃ NHẬN MÃ SỐ KHAI THUẾ
Ngày 31-03-2015
Người nhận: 70

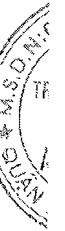
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XE KHÁCH SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐO
SỐ
HỮU
IÊN
M
STP

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-31



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên nhân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Công ty

Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn ("Công ty") là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH Một thành viên, được thành lập theo quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển từ Công ty nhà nước Công ty Xe khách Sài Gòn thành Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 (giấy phép cũ số 4104000165), đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trụ sở của Công ty đặt tại số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, văn phòng của Công ty được đặt tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty có 11 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

<u>Xí nghiệp</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp sửa chữa ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp Du lịch-Lữ hành (Saigonbus Travel)	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp dịch vụ Du lịch Sapaco	Số 500 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 1	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 2	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 3	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 4	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 5	Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 6	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 7	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện - điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm 2014, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- + Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- + Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- + Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- + Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- + Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- + Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- + Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- + Các dịch vụ khác.

300
CỔ
ÁCH
KIỂM
FC V
TF

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

2. Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Đoàn Minh Tâm	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Bảy	Thành viên	
Bà Trần Tuyết Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ban Kiểm soát		

Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Thanh Trúc	Ủy viên
Ông Võ Nhiên Định	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Minh Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

448

NG
HIỆM
I TC
I ET

HỒ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

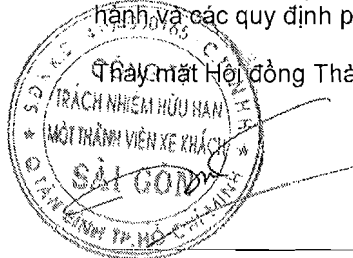
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có nợ ngắn hạn đã vượt tài sản ngắn hạn là 6.626.543.581 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi có yêu cầu. Vào ngày lập báo cáo này, không có lý do nào để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty không đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi có yêu cầu làm ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



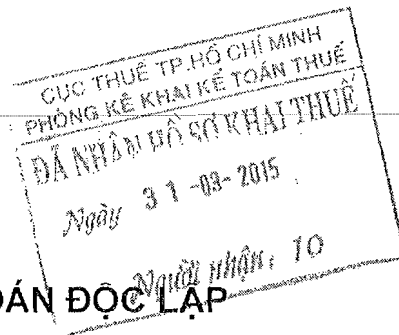
Thay mặt Hội đồng Thành viên

Ông ĐOÀN MINH TÂM

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

195-
TY
HỮU
HẠN
SÀI
GÒN
CHI



Số : 199/2015/BCKT-HCM.00380

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa có quyết định phê duyệt quỹ lương của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên. Do đó, quỹ lương được trích trong năm 2014 là quỹ lương tạm tính. Nếu quỹ lương được duyệt thay đổi so với quỹ lương tạm tính sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty dẫn đến lợi nhuận trong năm 2014 sẽ thay đổi theo một khoản tương ứng.

Theo văn bản số 533/TT-KTTC của Trung tâm quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng thuộc Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 02 năm 2015 về việc thu hồi tiền trợ giá xe buýt 6 tháng đầu năm 2013 của các doanh nghiệp vận tải do đã tạm cấp thừa vượt đơn giá quy định, Công ty bị thu hồi số tiền là 21.013.737.754 VND nhưng chưa được ghi nhận trong năm 2014. Nếu Công ty ghi nhận khoản bị thu hồi này trong năm 2014 thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" sẽ giảm đi 21.013.737.754 VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập hiện hành" giảm đi 4.623.022.306 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi 16.390.715.448 VND. Đồng thời, trên Bảng cân đối kế toán, khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" sẽ giảm đi 4.623.022.306 VND và chỉ tiêu "Quỹ khen thưởng và phúc lợi" sẽ giảm đi 16.390.715.448 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ở đây, chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo này đến vấn đề sau: Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có nợ ngắn hạn đã vượt tài sản ngắn hạn là 6.626.543.581 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi có yêu cầu. Vào ngày lập báo cáo này, không có lý do nào để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty không đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi có yêu cầu làm ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 28 tháng 3 năm 2014 vì Công ty chưa có quyết định phê duyệt quỹ lương của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được trình bày lại theo Báo cáo kiểm toán ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Kiểm Toán Nhà Nước.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

DIỆP QUỐC BÌNH
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2200-2013-009-1

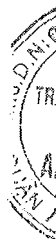
CÔNG TY TNHH MTV XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hùng Vương Lớn Ông, phường 10, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		133.090.321.410	124.887.194.049
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	10.747.609.446	6.588.776.367
Tiền	111		10.747.609.446	6.588.776.367
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		90.641.638.959	97.869.225.312
Phải thu khách hàng	131	4.2	29.262.144.388	11.393.365.177
Trả trước cho người bán	132	4.3	3.735.965.791	6.214.546.220
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	62.072.776.299	84.389.049.074
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.5	(4.429.247.519)	(4.127.735.159)
Hàng tồn kho	140	4.6	26.376.054.839	13.896.465.534
Hàng tồn kho	141		26.376.054.839	13.896.465.534
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.325.018.166	6.532.726.836
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	494.862.566	648.573.538
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	1.252.776.319	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.14	409.152.422	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.8	3.168.226.859	5.884.153.298



CÔNG TY TNHH MTV XE KHÁCH SÀI GÒN

30 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.320.719.911	290.759.260.711
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	19.997.757.805
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	19.997.757.805
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220	4.9	172.600.951.734	238.989.055.129
Tài sản cố định hữu hình	221		172.600.951.734	238.078.145.947
Nguyên giá	222		799.044.703.054	851.490.468.090
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(626.443.751.320)	(613.412.322.143)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	910.909.182
Đất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	31.767.447.777	31.767.447.777
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		31.767.447.777	31.767.447.777
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.952.320.400	5.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	4.11	2.952.320.400	5.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		340.411.041.321	415.646.454.760

300
CỔ
ĐƠN
KIỂM
TOÁN
TP

CÔNG TY TNHH MTV XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		160.685.525.849	233.359.678.814
Nợ ngắn hạn	310		139.716.864.991	187.931.794.509
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	46.963.748.461	127.104.819.862
Phải trả cho người bán	312	4.13	31.214.040.289	26.076.070.570
Người mua trả tiền trước	313		1.190.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	3.914.710.401	4.581.589.055
Phải trả công nhân viên	315		25.293.492.696	14.105.783.801
Chi phí phải trả	316		308.772.690	355.817.069
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	2.247.434.768	3.797.154.868
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.16	28.584.665.686	11.910.559.284
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		20.968.660.858	45.427.884.305
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.17	2.145.120.700	3.123.070.500
Vay và nợ dài hạn	334	4.18	15.111.840.000	40.604.813.805
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		1.701.818.182	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		2.009.881.976	1.700.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		179.725.515.472	182.286.775.946
Vốn chủ sở hữu	410	4.19	179.725.515.472	182.286.775.946
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		176.147.577.392	176.147.577.392
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.577.938.080	3.577.938.080
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	2.561.260.474
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		340.411.041.321	415.646.454.760

448

NG

HEM

1 TO

ETI

HQ

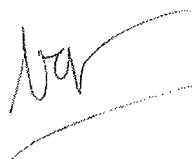
CÔNG TY TNHH MTV XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		330.150.000	330.150.000
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập



PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng

ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

298
TY
VỮN
ẤN
TAM
CHIA

CÔNG TY TNHH MTV XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		645.237.251.620	651.168.894.904
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	22.759.546
Doanh thu thuần	10	5.1	645.237.251.620	651.146.135.358
Giá vốn hàng bán	11	5.2	569.196.969.356	551.294.203.101
Lợi nhuận gộp	20		76.040.282.264	99.851.932.257
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.077.418.873	919.145.055
Chi phí tài chính	22		3.323.939.021	6.072.826.235
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3.323.939.021	6.072.826.235
Chi phí bán hàng	24		355.277.635	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	74.232.358.790	88.980.450.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(793.874.309)	5.717.801.077
Thu nhập khác	31	5.5	29.378.900.723	17.656.322.495
Chi phí khác	32	5.6	7.232.932.644	2.516.018.781
Lợi nhuận khác	40		22.145.968.079	15.140.303.714
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.352.093.770	20.858.104.791
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	4.795.416.062	4.955.515.711
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.556.677.708	15.902.589.080

NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập

PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng

ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

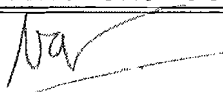
CÔNG TY TNHH MTV XE KHÁCH SÀI GÒN


39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	21.352.093.770	20.858.104.791
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	64.241.597.039	77.805.607.246
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	301.512.360	(842.000.000)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(26.104.400)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.196.271.720)	(7.715.567.424)
Chi phí lãi vay	06	3.323.939.021	6.072.826.235
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	77.996.766.070	96.178.970.848
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	24.690.812.510	59.742.207.572
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(12.479.589.305)	(407.629.826)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	15.856.138.663	(13.447.293.098)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	153.710.972	1.973.505.832
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.889.982.251)	(6.080.123.442)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.622.198.505)	(2.995.706.008)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	710.364.451	6.919.026.787
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.153.238.655)	(10.703.814.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	95.262.783.950	131.179.143.815
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(829.081.847)	(5.541.732.603)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	14.004.545.449	2.644.399.997
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	167.314.474	919.145.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.342.778.076	(1.978.187.551)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	109.586.226.450	129.483.852.640
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(214.032.955.397)	(273.788.306.842)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(104.446.728.947)	(144.304.454.202)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	4.158.833.079	(15.103.497.938)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	6.588.776.367	21.692.274.305
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	10.747.609.446	6.588.776.367


NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập


PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng


ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn ("Công ty") là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH Một Thành viên, được thành lập theo quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển từ Công ty nhà nước Công ty Xe khách Sài Gòn thành Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 (giấy phép cũ số 4104000165), đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trụ sở của Công ty đặt tại số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, văn phòng của Công ty được đặt tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty có 11 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

<u>Xí nghiệp</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp sửa chữa ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp Du lịch-Lữ hành (Saigonbus Travel)	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp dịch vụ Du lịch Sapaco	Số 500 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 1	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 2	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 3	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 4	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 5	Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 6	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 7	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Trong năm 2014, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- + Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- + Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- + Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- + Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- + Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- + Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- + Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- + Các dịch vụ khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.531 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.691 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng USD được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là USD được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng công bố vào ngày này (21.246 VND/USD).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

004
CÔNG
TY TNHH
MỘT
THÀNH
VIÊN
TP.H

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và sản phẩm dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

3.4 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Tài sản cố định khác	4 - 12 năm

3.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

1899
GTY
KH
TOÁN
KIA
SCH

3.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.8 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Công ty còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

3.9 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và cổ tức:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

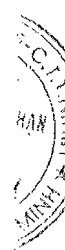
Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Doanh thu khoản trợ giá đối với hoạt động xe buýt được điều chỉnh tăng/(giảm) vào doanh thu trợ giá của các năm sau khi có quyết toán chính thức với Trung tâm Quản lý và Điều hành Vận tải Hành khách Công cộng của thành phố.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.



3.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế trước ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

3.12 Thuế giá trị gia tăng

Công ty có 2 loại doanh thu đó là doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng (là doanh thu vận chuyển hành khách công cộng và doanh thu trợ giá xe buýt) và doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng là doanh thu các hoạt động còn lại.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của Công ty áp dụng theo phương thức khấu trừ thuế đầu vào trên tỉ lệ doanh thu chịu thuế và tổng doanh thu.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác và nhận ký quỹ dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn-TNHH Một thành viên (Samco)	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bến bãi Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	2.053.631.718	1.199.142.566
Tiền gửi ngân hàng - VND	8.693.977.728	5.389.633.801
	<u>10.747.609.446</u>	<u>6.588.776.367</u>

4.2 Các khoản phải thu thương mại

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu thương mại - bên liên quan	783.000.000	-
Phải thu thương mại - bên thứ ba	28.479.144.388	11.393.365.177
	<u>29.262.144.388</u>	<u>11.393.365.177</u>

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước người bán - bên liên quan	449.000.000	4.104.968.254
Trả trước người bán - bên thứ ba	3.286.965.791	2.109.577.966
	<u>3.735.965.791</u>	<u>6.214.546.220</u>

4.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu liên vay hộ	20.681.633.957	55.172.674.205
Phải thu tiền trợ giá xe buýt	34.744.941.294	22.442.733.076
Tổng công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam	-	874.610.808
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	-	353.469.147
Phải thu lãi khoản hỗ trợ từ ngân sách	305.755.000	305.755.000
Phải thu vé tập	4.613.519.901	4.122.205.308
Bảo hiểm xã hội	224.339.435	551.226.973
Phải thu khác	1.502.584.712	566.374.557
	<u>62.072.774.299</u>	<u>84.389.049.074</u>

4.5 Dự phòng phải thu khó đòi

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	4.127.735.159	4.969.735.159
Tăng dự phòng trong năm	1.264.812.044	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(963.299.684)	(842.000.000)
Số dư cuối năm	<u>4.429.247.519</u>	<u>4.127.735.159</u>

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên vật liệu	9.493.331.975	8.914.398.201
Công cụ dụng cụ	823.415.768	917.466.974
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.498.465.989	4.064.600.359
Hàng hóa	560.841.107	-
Cộng	<u>26.376.054.839</u>	<u>13.896.465.534</u>

500
CƠ
SỞ
TIỀN
VIỆ
TP. H

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê mặt bằng 325 Phạm Ngũ Lão	180.591.000	168.288.000
Phí đường bộ, phí đăng kiểm	277.619.008	317.751.000
Chi phí khác	36.652.558	162.534.538
	494.862.566	648.573.538

4.8 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng nhân viên	2.596.503.109	2.674.033.548
Đặt cọc - thuê nhà, bến bãi	171.723.750	341.008.625
Ký quỹ cho Samco để được bảo lãnh khoản vay	-	2.747.608.000
Đặt cọc khác	400.000.000	121.503.125
	3.168.226.859	5.884.153.298

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>						
Vào ngày 01/01/2014	111.708.433.483	5.994.920.776	716.636.295.239	15.763.111.207	1.387.707.385	851.490.468.090
Tăng trong năm	313.152.070	68.000.000	70.738.986	1.008.683.272	279.416.701	1.739.991.029
Giảm do thanh lý	(239.691.844)	(103.517.048)	(53.619.775.000)	(149.438.840)	(73.333.333)	(54.185.756.065)
Vào ngày 31/12/2014	111.781.893.709	5.959.403.728	663.087.259.225	16.622.355.639	1.593.790.753	799.044.703.054
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Vào ngày 01/01/2014	31.626.654.945	3.777.377.635	572.402.271.373	4.915.365.965	690.652.225	613.412.322.143
Khấu hao trong năm	4.363.349.477	450.056.856	57.122.123.227	2.143.320.679	162.746.800	64.241.597.039
Giảm do thanh lý	(239.691.844)	(103.517.048)	(50.675.196.510)	(136.838.840)	(54.923.620)	(51.210.167.862)
Vào ngày 31/12/2014	35.750.312.578	4.123.917.443	578.849.198.090	6.921.847.804	798.475.405	626.443.751.320
<i>Giá trị còn lại</i>						
Vào ngày 01/01/2014	80.081.778.538	2.217.543.141	144.234.023.866	10.847.745.242	697.055.160	238.078.145.947
Vào ngày 31/12/2014	76.031.581.131	1.835.486.285	84.238.061.135	9.700.507.835	795.315.348	172.600.951.734

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2014	4.076.888.322	2.261.298.630	52.193.802.815	221.907.680	378.613.364	59.132.510.811
Vào ngày 31/12/2014	9.629.795.174	2.284.229.807	335.282.759.199	203.240.340	378.613.364	347.778.637.884

Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại 31 tháng 12 năm 2014 là 47.091.108.410 VND (tại 31 tháng 12 năm 2013 là 127.075.015.618 VND).

1489
 IG T
 EM HƯ
 TOÁ
 TNA
 30x

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.10 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	31.767.447.777	31.767.447.777
	<u>31.767.447.777</u>	<u>31.767.447.777</u>

Khoản đầu tư góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn theo giấy chứng nhận đầu tư số 411022000042 ngày 05 tháng 3 năm 2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 31 tháng 3 năm 2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp với thời hạn hoạt động là 25 năm kể từ ngày 14 tháng 12 năm 1993.

Vốn điều lệ: 3.952.650 USD.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Một Thành viên Xe Khách Sài Gòn: 50%

4.11 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ký quỹ thuê nhà, bến bãi	199.712.400	-
Ký quỹ cho Samco để được bảo lãnh khoản vay	2.747.608.000	-
Chi phí khác	5.000.000	5.000.000
	<u>2.952.320.400</u>	<u>5.000.000</u>

4.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn		
+ Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm (*)	21.775.632.970	34.307.642.160
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 4.18)		
+ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM	25.188.115.491	92.797.177.702
Vay của Công ty	4.820.490.614	38.403.738.298
Vay hộ	20.367.624.877	54.393.439.404
	<u>46.963.748.461</u>	<u>127.104.819.862</u>

(*) Vay ngắn hạn của Ngân hàng Công Thương Việt Nam – chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng vay số 034/2014-HĐTĐHM/NHCT903-XKSG ngày 22 tháng 4 năm 2014.

+ Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND.

+ Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 22 tháng 4 năm 2014 đến ngày 05 tháng 4 năm 2015.

+ Lãi suất: theo phương thức lãi suất cho vay thả nổi.

+ Thời hạn cho vay: theo từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng.

+ Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Hình thức đảm bảo: quyền sử dụng đất và nhà ở tại 171 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

4.13 Phải trả người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả người bán - bên thứ ba	31.214.040.289	26.076.070.570
	<u>31.214.040.289</u>	<u>26.076.070.570</u>

25-C
 HAN
 4
 HAI MINH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.14 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	1.252.776.319	-
	1.252.776.319	-

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập cá nhân	409.152.422	-
	409.152.422	-

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT	1.823.523.621	977.385.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.980.067.995	2.867.307.352
Thuế thu nhập cá nhân	-	310.266.209
Các loại thuế khác	111.118.785	426.629.772
	3.914.710.401	4.581.589.055

4.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	259.646.960	415.711.374
Tiền ốm đau thai sản, tai nạn phải trả	271.787.728	278.087.728
Liên hiệp Hợp tác xã Vận tải TP.HCM (*)	1.000.000.000	1.588.694.965
Lãi vay phải trả cho Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp.HCM của:	314.009.080	779.234.801
- Liên hiệp hợp tác xã Vận tải TP.HCM	93.869.699	330.139.570
- Công ty TNHH Vận tải TP.HCM	220.139.381	449.095.231
Các khoản phải trả khác	401.991.000	735.426.000
	2.247.434.768	3.797.154.868

(*) Khoản thu hộ phải trả cho Liên hiệp Hợp tác xã Vận Tải Tp.HCM tiền hỗ trợ thuế trước bạ và phí bảo hiểm khi thực hiện dự án xe buýt của thành phố.

4.16 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Số đầu năm VND	Trích quỹ trong năm VND	Tăng quỹ từ nguồn khác VND	Sử dụng quỹ VND	Số dư cuối năm VND
Quỹ khen thưởng	7.425.785.392	16.941.333.992	66.380.000	(407.785.843)	24.025.713.541
Quỹ phúc lợi	4.439.553.399	2.024.504.190	364.530.000	(2.466.955.937)	4.361.631.652
Quỹ khen thưởng ban điều hành	45.220.493	152.100.000	-	-	197.320.493
	11.910.559.284	19.117.938.182	430.910.000	(2.874.741.780)	28.584.665.686

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.17 Các khoản phải trả dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kỳ quỹ đưa rước công nhân	564.000.000	544.000.000
Kỳ quỹ đưa rước học sinh	7.000.000	7.000.000
Kỳ quỹ cho thuê mặt bằng	1.553.320.700	1.311.244.500
Kỳ quỹ mua xăng dầu	20.800.000	20.800.000
Hỗ trợ đồng phục tiếp viên, lái xe	-	1.240.026.000
	2.145.120.700	3.123.070.500

4.18 Vay và nợ dài hạn

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM	40.299.955.491	133.401.991.507
- Vay của Công ty	19.932.330.614	59.010.794.298
- Vay hộ	20.367.624.877	74.391.197.209
Nợ dài hạn đến hạn trả	(25.188.115.491)	(92.797.177.702)
	15.111.840.000	40.604.813.805

Nợ dài hạn đến hạn trả là khoản vay của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng số 168/2011/HĐTD-QĐT-TD ngày 22 tháng 7 năm 2011
 - + Thời hạn vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - + Mục đích vay: Thực hiện dự án "Thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại TP.HCM (giai đoạn 1).
 - + Lãi suất vay: 10,8%/năm, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi vay theo từng thời điểm.
 - + Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng số 191/2005/HĐTD-QĐT-TD ngày 06 tháng 10 năm 2005
 - + Thời hạn vay: 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - + Mục đích vay: Đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt TP.HCM giai đoạn 2002-2003.
 - + Lãi suất vay: Lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (loại trả lãi sau) của Sở giao dịch II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam cộng 1,5% phí quản lý. Được nhà nước hỗ trợ lãi vay theo từng thời điểm.
 - + Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.19 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển ("ĐTPT") VND	Quỹ dự phòng tài chính ("DPTC") VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước					
Số dư 01/01/2013	167.670.709.460	-	3.687.437.874	-	171.358.147.334
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.902.589.080	15.902.589.080
Tăng khác	11.503.408.871	-	-	1.094.997.459	12.598.406.330
Điều chỉnh theo BBKT của Tổng Công ty	9.372.266.052	-	-	-	9.372.266.052
Sử dụng quỹ	-	-	(109.499.794)	-	(109.499.794)
Quỹ khen thưởng phúc lợi – Ban điều hành	-	-	-	(13.341.328.606)	(13.341.328.606)
Điều chỉnh theo thông tư 220/2013	-	3.577.938.080	(3.577.938.080)	-	-
Giảm khác	(12.398.806.991)	-	-	(1.094.997.459)	(13.493.804.450)
Số dư 31/12/2013	176.147.577.392	3.577.938.080	-	2.561.260.474	182.286.775.946
Năm nay					
Số dư 01/01/2014	176.147.577.392	3.577.938.080	-	2.561.260.474	182.286.775.946
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.556.677.708	16.556.677.708
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-	-	(19.117.938.182)	(19.117.938.182)
Số dư 31/12/2014	176.147.577.392	3.577.938.080	-	-	179.725.515.472

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	570.341.827.367	637.911.597.699
Vận tải hành khách công cộng (có trợ giá)	493.135.552.206	554.301.084.931
Đưa rước học sinh và vận tải hành khách (không có trợ giá)	16.560.007.274	16.563.318.183
Xe chạy hợp đồng	13.311.221.367	15.647.556.818
Xe liên vận quốc tế	24.637.078.044	31.722.750.000
Du lịch lữ hành	22.164.503.692	18.636.176.641
Doanh thu sửa chữa xe	533.464.784	1.040.711.126
Doanh thu khác	74.895.424.253	13.257.297.205
Doanh thu bán xe	49.215.909.084	7.197.181.819
Doanh thu đóng thùng xe	1.000.000.000	2.500.000.000
Doanh thu bán xăng dầu nhớt	21.188.932.349	-
Doanh thu khác	3.490.582.820	3.560.115.386
	645.237.251.620	651.168.894.904
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	(22.759.546)
Doanh thu thuần	645.237.251.620	651.146.135.358

3004
CƠ
SỐ NH
KIỂM
TC VI
- TP.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn dịch vụ (*)	494.491.097.567	538.495.867.161
<i>Hoạt động xe buýt</i>	382.290.493.155	421.414.602.594
<i>Đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân</i>	46.558.191.787	52.468.380.748
<i>Xe chạy hợp đồng</i>	16.640.489.393	15.132.974.416
<i>Xe liên vận quốc tế</i>	25.846.517.606	28.622.719.550
<i>Du lịch lữ hành</i>	23.155.405.626	20.857.189.853
Giá vốn khác	74.705.871.789	12.798.335.940
<i>Giá vốn bán xe</i>	48.724.382.398	5.255.454.547
<i>Giá vốn đóng thùng xe (*)</i>	990.205.404	4.762.585.980
<i>Giá vốn xăng dầu nhớt</i>	20.888.378.774	-
<i>Giá vốn khác (*)</i>	4.102.905.213	2.780.295.413
	569.196.969.356	551.294.203.101

(*) Chi tiết giá vốn cung cấp dịch vụ, đóng thùng xe và khác theo yếu tố :

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	230.150.597.540	250.294.611.077
Chi phí nhân công	171.858.575.113	170.933.198.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.407.962.272	68.412.274.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.471.109.357	12.067.847.115
Chi phí bằng tiền khác	37.894.241.429	49.318.440.216
Tổng chi phí sản xuất	512.782.485.711	551.026.371.267
Cộng: Chi phí sản xuất dở dang đầu năm	4.064.600.359	3.838.014.025
Trừ: Chi phí sản xuất dở dang cuối năm	(15.498.465.989)	(4.064.600.359)
Trừ: Chuyển sang xây dựng cơ bản	(1.764.411.897)	(4.761.036.379)
Giá vốn bán thành phẩm	499.584.208.184	546.038.748.554

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	167.314.474	211.145.055
Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh	883.999.999	708.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	26.104.400	-
	1.077.418.873	919.145.055

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	20.297.044.830	25.145.495.875
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.694.338.067	4.723.061.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.970.259.104	9.393.333.030
Thuế, phí và lệ phí	2.519.747.086	1.062.302.349
Trợ cấp mất việc làm	1.399.047.600	864.514.900
Chi phí dự phòng	301.512.360	858.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.080.335.132	17.642.001.132
Chi phí bằng tiền khác	24.970.074.611	29.291.741.138
	74.232.358.790	88.980.450.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.5 Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	14.004.545.449	2.357.318.178
Thu nhập từ bán phế liệu	-	288.945.455
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	10.873.396.830	12.230.222.294
Thu nhập khác	4.500.958.444	2.779.836.568
	29.378.900.723	17.656.322.495

5.6 Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thanh lý tài sản	2.975.588.203	1.299.237.323
Chi phí khác	4.257.344.441	1.216.781.458
	7.232.932.644	2.516.018.781

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	21.352.093.770	20.858.104.791
Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	445.251.967	(1.036.041.950)
Lợi nhuận tính thuế trong năm	21.797.345.737	19.822.062.841
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.795.416.062	4.955.515.710

5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	230.150.597.540	250.294.611.077
Chi phí nhân công	192.155.619.943	196.078.694.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.378.221.376	77.805.607.246
Chi phí dự phòng	301.512.360	858.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	34.601.060.191	34.432.909.823
Chi phí bằng tiền khác	64.783.110.726	78.836.998.603
	585.370.122.136	638.306.821.267

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận Tải Sài Gòn –TNHH MTV (Samco)	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	9.118.988.153	4.052.100.672
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Tiền dịch vụ bến bãi	588.195.126	564.932.730
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Tiền dịch vụ bến bãi	371.997.276	395.793.180
Công ty Cổ phần Bến bãi Sài Gòn	Tiền dịch vụ bến bãi	493.109.333	617.565.097

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 30 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
	Cung cấp dịch vụ	783.000.000	-
Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận Tải Sài Gòn –TNHH MTV (Samco)	Ứng trước tiền hàng	449.000.000	4.099.577.044
	Tiền ký quỹ bảo lãnh	2.747.608.000	2.747.608.000
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Tiền ký quỹ thuê bến bãi	56.720.000	55.440.000
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Tiền ký quỹ thuê bến bãi	36.925.000	36.840.000
Công ty Cổ phần Bến bãi Sài Gòn	Tiền ký quỹ thuê bến bãi	60.078.750	60.991.250

6.2 Thu nhập của các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tiền lương và thù lao	2.103.504.000	2.212.946.000

6.3 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.747.609.446	6.588.776.367
Phải thu khách hàng	25.006.491.744	7.763.365.177
Các khoản phải thu khác	61.689.277.464	84.047.460.901
Ký quỹ ngắn hạn	571.723.750	3.210.119.750
Tài sản dài hạn khác	2.947.320.400	5.000.000
	100.962.422.804	101.614.722.195
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	46.963.748.461	127.104.819.862
Vay dài hạn	15.111.840.000	40.604.813.805
Phải trả người bán	31.214.040.289	26.076.070.570
Chi phí phải trả	308.772.690	355.817.069
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.714.918.080	3.103.355.766
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.145.120.700	3.123.070.500
	97.458.440.220	200.367.947.572

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.3 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro tài chính của Công ty bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau :

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro : rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công ty chịu rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng Việt Nam đồng (VND), và ngoài ra, bằng USD. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND, USD.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản tài sản/ nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

Ký quỹ dài hạn	USD
	9.400,00
	<u>9.400,00</u>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.3 Công cụ tài chính (tiếp theo)

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 4.5.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

3004
CÔNG
SHNH
TIEM
VIET
TP. HC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.3 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả :

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Vay	46.963.748.461	15.111.840.000	-	46.963.748.461
Phải trả người bán	31.214.040.289	-	-	31.214.040.289
Chi phí phải trả	308.772.690	-	-	308.772.690
Phải trả khác	1.714.918.080	2.145.120.700	-	1.714.918.080
Cộng	80.201.479.520	17.256.960.700	-	97.458.440.220
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Vay	127.104.819.862	40.604.813.805	-	167.709.633.667
Phải trả người bán	26.076.070.570	-	-	26.076.070.570
Chi phí phải trả	355.817.069	-	-	355.817.069
Phải trả khác	3.103.355.766	3.123.070.500	-	6.226.426.266
Cộng	156.640.063.267	43.727.884.305	-	200.367.947.572

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Tiền và tương đương tiền	10.747.609.446	-	-	10.747.609.446
Phải thu khách hàng	25.006.491.744	-	-	25.006.491.744
Các khoản phải thu khác	61.689.277.464	-	-	61.689.277.464
Ký quỹ ngắn hạn	571.723.750	-	-	571.723.750
Tài sản dài hạn khác	-	2.947.320.400	-	2.947.320.400
Cộng	98.015.102.404	2.947.320.400	-	100.962.422.804
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Tiền và tương đương tiền	6.588.776.367	-	-	6.588.776.367
Phải thu khách hàng	7.763.365.177	-	-	7.763.365.177
Các khoản phải thu khác	84.047.460.901	-	-	84.047.460.901
Ký quỹ ngắn hạn	3.210.119.750	-	-	3.210.119.750
Tài sản dài hạn khác	-	5.000.000	-	5.000.000
Cộng	101.609.722.195	5.000.000	-	101.614.722.195

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp một số nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải của mình cho các khoản vay (xem thuyết minh 4.9)

4899
 G TY
 KHUU
 TOAN
 NAM
 CH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.4 Cam kết thuê đất

Căn cứ vào hợp đồng thuê đất của Công ty, các khoản tiền thuê đất phải trả ước tính trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng 1 năm	15.480.078.026	15.480.078.026
Trên 1 năm đến 5 năm	61.920.312.104	61.920.312.104
Trên 5 năm	531.379.303.623	546.859.381.649
	608.779.693.753	624.259.771.780

6.5 Thông tin hoạt động liên tục

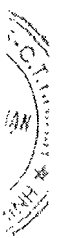
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có nợ ngắn hạn đã vượt tài sản ngắn hạn là 6.626.543.581 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi có yêu cầu. Vào ngày lập báo cáo này, không có lý do nào để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty không đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi có yêu cầu làm ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới.

7. Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được trình bày lại theo báo cáo kiểm toán ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Kiểm Toán Nhà Nước.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2013 Theo báo cáo trước đây	31/12/2013 Điều chỉnh lại	Chênh lệch
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	124.317.951.725	124.887.194.049	569.242.324
Các khoản phải thu	130	97.503.013.398	97.869.225.312	366.211.914
Các khoản phải thu khác	135	84.022.837.160	84.389.049.074	366.211.914
Hàng tồn kho	140	13.693.435.124	13.896.465.534	203.030.410
Hàng tồn kho	141	13.693.435.124	13.896.465.534	203.030.410
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	415.077.212.436	415.646.454.760	569.242.324
NỢ PHẢI TRẢ	300	234.496.523.414	233.359.678.814	(1.136.844.600)
Nợ ngắn hạn	310	189.068.639.109	187.931.794.509	(1.136.844.600)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	3.121.659.655	4.581.589.055	1.459.929.400
Phải trả công nhân viên	315	16.632.097.801	14.105.783.801	(2.526.314.000)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	3.867.614.868	3.797.154.868	(70.460.000)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	180.580.689.022	182.286.775.946	1.706.086.924
Vốn chủ sở hữu	410	180.580.689.022	182.286.775.946	1.706.086.924
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	177.002.750.942	176.147.577.392	(855.173.550)
Lợi nhuận chưa phân phối	420	-	2.561.260.474	2.561.260.474
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	415.077.212.436	415.646.454.760	569.242.324



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

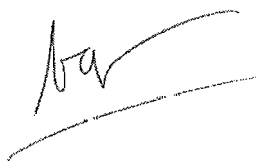
7. Thông tin so sánh (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Mã số	2013 Theo báo cáo trước đây	2013 Điều chỉnh lại	Chênh lệch
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	92.444.435.428	88.980.450.000	(3.463.985.428)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	2.253.815.649	5.717.801.077	3.463.985.428
Thu nhập khác	31	17.585.862.495	17.656.322.495	70.460.000
Chi phí khác	32	2.396.587.319	2.516.018.781	119.431.462
Lợi nhuận khác	40	15.189.275.176	15.140.303.714	(48.971.462)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	17.443.090.825	20.858.104.791	3.415.013.966
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	4.101.762.219	4.955.515.711	853.753.492
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	13.341.328.606	15.902.589.080	2.561.260.474

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

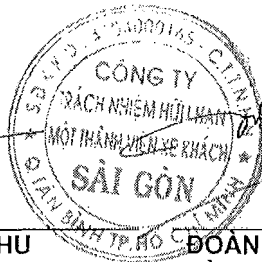
	Mã số	2013 Theo báo cáo trước đây	2013 Điều chỉnh lại	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	01	17.443.090.825	20.858.104.791	3.415.013.966
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	92.763.956.882	96.178.970.848	3.415.013.966
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	60.108.419.486	59.742.207.572	(366.211.914)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(204.599.416)	(407.629.826)	(203.030.410)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(10.601.521.456)	(13.447.293.098)	(2.845.771.642)



NGUYỄN THỊ VĂN ANH
Người lập



PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015